

**DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đoàn Bái - Lương Phong 2, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh)**

**Địa điểm: Thôn Chùa, thôn Đông, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh**

*(Kèm theo Thông báo số 90 /TB-UBND ngày 31 /3/2026 của Chủ tịch UBND xã Hiệp Hòa)*

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú
<b>Tổng</b>					<b>42.066,7</b>	<b>40.633,7</b>	<b>1.195,2</b>		
<b>I</b>	<b>Thôn Chùa</b>				<b>21.557,0</b>	<b>21.477,4</b>	<b>79,6</b>		
1	Nguyễn Văn Sóng (Miền)	Thôn Chùa	71	688	1.158,0	1.158,0	0,0	LUC	
2	Nguyễn Đức Giao (Đường)	Thôn Chùa	72	376	251,7	251,7	0,0	LUC	
3	Đoàn Xuân Cường (Sâm)	Thôn Chùa	72	428	538,4	538,4	0,0	LUC	
	Đoàn Xuân Cường (Sâm)	Thôn Chùa	72	569	817,7	817,7	0,0	LUC	
4	Nguyễn Văn Hương (Hoàn)	Thôn Chùa	72	510	689,1	689,1	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Hương (Hoàn)	Thôn Chùa	73	61	300,7	300,7	0,0	LUC	
5	Nguyễn Văn Bách đại diện hộ ông Nguyễn Văn Kim	Thôn Chùa	72	650	298,0	298,0	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Bách đại diện hộ ông Nguyễn Văn Kim	Thôn Chùa	74	141	757,0	757,0	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Bách đại diện hộ ông Nguyễn Văn Kim	Thôn Chùa	74	174	727,7	727,7	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Bách đại diện hộ ông Nguyễn Văn Kim	Thôn Chùa	74	192	404,3	403,9	0,4	LUC	
6	Nguyễn Văn Hưng (Minh)	Thôn Chùa	74	33	769,1	769,1	0,0	LUC	
7	Nguyễn Văn Nam (Quyển)	Thôn Chùa	74	117	2.496,6	2.496,6	0,0	LUC	
8	Nguyễn Văn Tiến (Bình)	Thôn Chùa	2	44	245,5	245,5	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Tiến (Bình)	Thôn Chùa	74	129	1.800,9	1.800,9	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Tiến (Bình)	Thôn Chùa	74	132	723,8	723,8	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Tiến (Bình)	Thôn Chùa	74	133	252,3	252,3	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Tiến (Bình)	Thôn Chùa	74	184	720,5	720,5	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Tiến (Bình)	Thôn Chùa	74	185	309,4	309,4	0,0	LUC	
9	Nguyễn Văn Thềm (Mến)	Thôn Chùa	2	45	69,4	69,4	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Thềm (Mến)	Thôn Chùa	74	115	923,9	923,9	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Thềm (Mến)	Thôn Chùa	74	177	386,8	386,8	0,0	LUC	
	Nguyễn Văn Thềm (Mến)	Thôn Chùa	74	178	1.967,1	1.967,1	0,0	LUC	
10	Nguy Văn Nam (Nhiều)	Thôn Chùa	74	124	733,8	733,8	0,0	LUC	
11	Trịnh Văn Thục (Dũng)	Thôn Chùa	2	7	193,2	193,2	0,0	LUC	
12	Nguyễn Quốc Toàn	Thôn Chùa	1	40	246,2	246,2	0,0	LUC	
	Nguyễn Quốc Toàn	Thôn Chùa	1	366	203,0	200,6	2,4	ONT	
	Nguyễn Quốc Toàn	Thôn Chùa	1	367	416,3	416,3	0,0	NTS	(Mia đất trên Bản đồ là TSN)
	Nguyễn Quốc Toàn	Thôn Chùa	1	368	264,5	264,5	0,0	BHK	
13	Nguyễn Văn Hồ (Sáu)	Thôn Chùa	1	369	328,6	310,9	17,7	BHK	
14	Nguyễn Hồng Lĩnh (Bích)								
15	Nguyễn Văn Đoàn	Thôn Chùa	1	370	607,3	583,2	24,1	ONT+CLN	
	Nguyễn Văn Đoàn								
	Nguyễn Văn Đoàn								
16	Bùi Văn Bảng (Mơ)	Thôn Chùa	72	619	516,3	516,3	0,0	LUC	
17	UBND xã	Thôn Chùa	74	122	45,5	45,5	0,0	BCS	
	UBND xã	Thôn Chùa	1	2	425,9	390,9	35,0	DNL	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú								
<b>II</b>	<b>Thôn Đông</b>				<b>20.509,7</b>	<b>19.156,3</b>	<b>1.115,6</b>										
1	Nguyễn Hiếu Thảo	Thôn Đông	1	252	637,1	637,1	0,0	LUC	Đã kê kiểm								
2	Hộ bà Nguyễn Thị Vát hàng thừa kế gồm: Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Tình, Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Thị Nam, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Chân, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Hiếu Thảo																
3	Nguyễn Văn Công Nguyễn Thị Kê Nguyễn Thị Mến Nguyễn Văn Trung Nguyễn Thị Quý Nguyễn Thị Thành Nguyễn Văn Giang đại diện ông Nguyễn Văn Giới, bà Nguyễn Thị Hồng	Thôn Đông	1	273	2.579,0	2.579,0	0,0	LUC									
4	Nguyễn Duy Cơ (Bình)	Thôn Đông	1	349	1.349,5	1.289,5	0,0	LUC	Diện tích 60,0 m <sup>2</sup> đã thu hồi tại Quyết định số 3448/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Hiệp Hòa								
5	Nguyễn Văn Du (Tiến)																
6	Nguyễn Văn Huyền (Hương)																
7	Đỗ Văn Năng (Hiền)																
8	Nguyễn Văn Sáng (Sáng)																
9	Hà Văn Tài (Xuân)																
10	Nguyễn Văn Thạch (Tấn)																
11	Ngô Văn Nghiêu (Huê)																
12	Hà Văn Thắng (Đáp)																
13	Nguyễn Văn Thọ (Tứ)																
14	Hà Văn Trung (Hàng)																
15	Hà Văn Trường																
16	Hà Văn Huynh (Thục)									Thôn Đông	1	350	293,8	180,0	0,0	LUC	Diện tích 113,8 m <sup>2</sup> đã thu hồi tại Quyết định số 3448/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Hiệp Hòa
17	Hà Văn Trường																
18	Hà Văn Minh									Thôn Đông	1	358	245,3	181,3	0,0	LUC	Diện tích 64,0 m <sup>2</sup> đã thu hồi tại Quyết định số 3448/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Hiệp Hòa
19	Hà Văn Trường																
20	UBND xã (Hà Văn Giao (Tĩnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	28	206,7	206,2	0,5	LUC									
21	UBND xã (Hà Hoàng Quỳnh (Hồng) đang canh tác)																
22	UBND xã (Đặng Văn Hoa (Thuật) đang canh tác)																
23	UBND xã (Hà Văn Chờ đang canh tác)	Thôn Đông	1	29	132,9	125,4	7,5	LUC									
24	UBND xã (Hà Văn Oánh (Tuyết) đang canh tác)	Thôn Đông	1	30	131,2	123,9	7,3	LUC									
25	UBND xã (Nguyễn Văn Huyền (Hương) đang canh tác)	Thôn Đông	1	32	135,2	124,9	10,3	LUC									
26	UBND xã (Nguyễn Văn Giáo (Biện) đang canh tác)	Thôn Đông	1	33	135,4	125,0	10,4	LUC									
27	UBND xã (Hà Văn Liên (Thắm) đang canh tác)	Thôn Đông	1	34	135,3	124,6	10,7	LUC									

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú
28	UBND xã (Nguyễn Văn Tư đang canh tác)	Thôn Đông	1	35	136,4	125,7	10,7	LUC	
29	UBND xã (Hà Văn Thắng (Thư) đang canh tác)	Thôn Đông	1	36	140,1	130,1	10,0	LUC	
30	UBND xã (Nguyễn Văn Lượng (Vượng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	37	136,6	127,4	9,2	LUC	
31	UBND xã (Hà Văn Khanh (Nguyệt) đang canh tác)	Thôn Đông	1	38	134,2	125,7	8,5	LUC	
			1	39	132,1	124,5	7,6	LUC	
32	UBND xã (Hà Văn Quang (Hải) đang canh tác)	Thôn Đông	1	43	133,4	123,4	10,0	LUC	
33	UBND xã (Nguyễn Hữu Bình (Hường) đang canh tác)	Thôn Đông	1	44	136,7	126,1	10,6	LUC	
34	UBND xã (Đặng Văn Thủy (Cát) đang canh tác)	Thôn Đông	1	45	137,4	126,9	10,5	LUC	
35	UBND xã (Nguyễn Văn Lực đang canh tác)	Thôn Đông	1	46	137,7	127,0	10,7	LUC	
36	UBND xã (Hà Chuẩn Chinh (Hồi) đang canh tác)	Thôn Đông	1	47	137,5	126,6	10,9	LUC	
37	UBND xã (Đặng Hồng Tư (Giàu) đang canh tác)	Thôn Đông	1	48	137,3	126,2	11,1	LUC	
38	UBND xã (Hà Văn Thịnh (Mình) đang canh tác)	Thôn Đông	1	49	137,1	125,8	11,3	LUC	
39	UBND xã (Nguyễn Văn Ngà (Tôn) đang canh tác)	Thôn Đông	1	50	136,9	125,4	11,5	LUC	
40	UBND xã (Hà Văn Thuyết (Hữu) đang canh tác)	Thôn Đông	1	51	148,1	125,1	23,0	LUC	
			1	52	157,0	126,4	30,6	LUC	
41	UBND xã (Nguyễn Thị Bình (Cờ) đang canh tác)	Thôn Đông	1	53	126,3	115,6	10,7	LUC	
42	UBND xã (Hà Văn Sơn (Sang) đang canh tác)	Thôn Đông	1	54	126,4	115,5	10,9	LUC	
			1	55	128,0	116,9	11,1	LUC	
43	UBND xã (Nguyễn Thị Nhung (Hiên) đang canh tác)	Thôn Đông	1	56	128,5	116,7	11,8	LUC	
44	UBND xã (Hà Văn Huyền (Phượng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	57	199,6	153,7	45,9	LUC	
45	UBND xã (Nguyễn Thị Bình (Cờ) đang canh tác)	Thôn Đông	1	64	125,7	115,5	10,2	LUC	
46	UBND xã (Nguyễn Thị Nam đang canh tác)	Thôn Đông	1	65	124,5	114,7	9,8	LUC	
			1	66	122,7	113,4	9,3	LUC	
47	UBND xã (Hà Văn Thuyết (Hữu) đang canh tác)	Thôn Đông	1	67	121,9	112,6	9,3	LUC	
48	UBND xã (Đặng Văn Tư (Hồng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	68	123,6	113,2	10,4	LUC	
49	UBND xã (Nguyễn Văn Tăng đang canh tác)	Thôn Đông	1	69	124,9	113,4	11,5	LUC	
50	UBND xã (Nguyễn Văn Bích (Thoan) đang canh tác)	Thôn Đông	1	70	126,6	114,5	12,1	LUC	
51	UBND xã (Nguyễn Văn Phiến (Phòng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	71	129,1	116,5	12,6	LUC	
52	UBND xã (Nguyễn Văn Tiến (Thanh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	72	130,4	117,4	13,0	LUC	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú
53	UBND xã (Nguyễn Văn Công đang canh tác)	Thôn Đông	1	73	126,0	116,6	9,4	LUC	Vị trí mặt đường Quốc lộ 37
54	UBND xã (Hà Văn Nam (Mai) đang canh tác)	Thôn Đông	1	74	126,3	116,9	9,4	LUC	
55	UBND xã (Hà Thị Lầy đang canh tác)	Thôn Đông	1	75	126,6	117,2	9,4	LUC	
56	UBND xã (Hà Văn Quý (Loan) đang canh tác)	Thôn Đông	1	76	127,4	117,9	9,5	LUC	
57	UBND xã (Hà Xuân Diễm (Bô) đang canh tác)	Thôn Đông	1	77	128,4	117,6	10,8	LUC	
58	UBND xã (Hà Quốc Việc đang canh tác)	Thôn Đông	1	78	129,7	117,3	12,4	LUC	
59	UBND xã (Nguyễn Văn Trung (Thân) đang canh tác)	Thôn Đông	1	79	131,7	117,6	14,1	LUC	
60	UBND xã (Nguyễn Khắc Vãn (Dinh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	80	131,8	117,8	14,0	LUC	
61	UBND xã (Nguyễn Văn Hội đang canh tác)	Thôn Đông	1	81	131,3	117,8	13,5	LUC	
62	UBND xã (Nguyễn Văn Công đang canh tác)	Thôn Đông	1	94	125,8	116,3	9,5	LUC	
63	UBND xã (Hà Văn Dũng (Oanh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	95	125,5	116,0	9,5	LUC	
64	UBND xã (Nguyễn Văn Vinh (Hoan) đang canh tác)	Thôn Đông	1	96	125,3	115,8	9,5	LUC	
65	UBND xã (Hà Huy Lâm (Minh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	97	125,2	115,8	9,4	LUC	
66	UBND xã (Hà Văn Nhai (Lư) đang canh tác)	Thôn Đông	1	98	124,5	115,1	9,4	LUC	
67	UBND xã (Đặng Văn Thêu (Trọng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	99	122,2	111,4	10,8	LUC	
68	UBND xã (Đặng Văn Huân đang canh tác)	Thôn Đông	1	100	123,1	111,7	11,4	LUC	
69	UBND xã (Nguyễn Văn Huyền (Hương) đang canh tác)	Thôn Đông	1	101	124,1	112,0	12,1	LUC	
70	UBND xã (Trần Văn Vỡ (Thụy) đang canh tác)	Thôn Đông	1	102	125,0	112,2	12,8	LUC	
71	UBND xã (Nguyễn Thị Lan đang canh tác)	Thôn Đông	1	103	122,8	111,8	11,0	LUC	
72	UBND xã (Đặng Văn Thuần (Na) đang canh tác)	Thôn Đông	1	104	123,2	111,9	11,3	LUC	
73	UBND xã (Nguyễn Văn Tập (Đình) đang canh tác)	Thôn Đông	1	105	123,6	111,9	11,7	LUC	
74	UBND xã (Nguyễn Văn Thái (Nhớ) đang canh tác)	Thôn Đông	1	106	123,9	112,0	11,9	LUC	
75	UBND xã (Hà Văn Nam (Mai) đang canh tác)	Thôn Đông	1	107	124,3	112,1	12,2	LUC	
76	UBND xã (Nguyễn Văn Trung (Thân) đang canh tác)	Thôn Đông	1	108	125,1	112,3	12,8	LUC	
			1	109	126,0	112,6	13,4	LUC	
77	UBND xã (Trần Văn Vỡ (Thụy) đang canh tác)	Thôn Đông	1	110	126,0	112,5	13,5	LUC	
78	UBND xã (Hà Văn Cừ (Nghìn) đang canh tác)	Thôn Đông	1	122	122,4	111,7	10,7	LUC	
79	UBND xã (Nguyễn Thị Lan đang canh tác)	Thôn Đông	1	123	121,7	111,4	10,3	LUC	
			1	124	121,0	111,1	9,9	LUC	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú
			1	125	120,2	111,0	9,2	LUC	
80	UBND xã (Hà Thế Thuận (Hà) đang canh tác)	Thôn Đông	1	126	119,3	110,8	8,5	LUC	
81	UBND xã (Hà Văn Trường (Lý) đang canh tác)	Thôn Đông	1	127	118,2	110,6	7,6	LUC	
82	UBND xã (Hoàng Thị Vinh (Liên) đang canh tác)	Thôn Đông	1	128	116,6	109,9	6,7	LUC	
83	UBND xã (Nguyễn Văn Sợi (Nông) đang canh tác)	Thôn Đông	1	129	116,5	110,5	6,0	LUC	
84	UBND xã (Nguyễn Văn Bính (Miền) đang canh tác)	Thôn Đông	1	130	115,0	109,8	5,2	LUC	
85	UBND xã (Nguyễn Văn Song (Ánh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	131	117,5	112,5	5,0	LUC	
86	UBND xã (Nguyễn Văn Huế (Hoạt) đang canh tác)	Thôn Đông	1	132	118,2	113,2	5,0	LUC	
			1	133	118,2	113,2	5,0	LUC	
87	UBND xã (Nguyễn Văn Luân (Lý) đang canh tác)	Thôn Đông	1	134	117,4	112,5	4,9	LUC	
88	UBND xã (Hà Văn Thu (Ngọt) đang canh tác)	Thôn Đông	1	135	118,0	113,2	4,8	LUC	
89	UBND xã (Nguyễn Văn Oanh (Nghị) đang canh tác)	Thôn Đông	1	136	118,8	114,2	4,6	LUC	
90	UBND xã	Thôn Đông	1	137	32,0	31,7	0,3	LUC	
91	UBND xã (Nghiêm Xuân Doanh (Anh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	138	114,0	109,6	4,4	LUC	
92	UBND xã (Hà Thị Hào (Huấn) đang canh tác)	Thôn Đông	1	156	116,8	111,9	4,9	LUC	
93	UBND xã (Hà Văn Xúy đang canh tác)	Thôn Đông	1	157	116,2	111,2	5,0	LUC	
94	UBND xã (Hà Văn Kiếm (Thư) đang canh tác)	Thôn Đông	1	158	115,5	110,5	5,0	LUC	
95	UBND xã (Nguyễn Văn Song (Ánh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	159	114,9	110,0	4,9	LUC	
			1	160	114,6	109,7	4,9	LUC	
96	UBND xã (Hà Thị Tâm đang canh tác)	Thôn Đông	1	161	114,3	109,3	5,0	LUC	
97	UBND xã (Nguyễn Văn Luân (Thom) đang canh tác)	Thôn Đông	1	162	113,8	108,6	5,2	LUC	
98	UBND xã (Đặng Văn Tư (Hồng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	163	113,1	107,9	5,2	LUC	
99	UBND xã (Đặng Văn Năm (Đến) đang canh tác)	Thôn Đông	1	164	112,8	107,5	5,3	LUC	
100	UBND xã (Trần Văn Vờ (Thụy) đang canh tác)	Thôn Đông	1	166	112,2	106,3	5,9	LUC	
101	UBND xã (Nguyễn Văn Hải (Lành) đang canh tác)	Thôn Đông	1	167	113,0	107,3	5,7	LUC	
102	UBND xã (Hà Văn Chạm (Liên) đang canh tác)	Thôn Đông	1	168	113,1	107,8	5,3	LUC	
103	UBND xã (Nguyễn Văn Song (Ánh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	169	112,6	107,3	5,3	LUC	
			1	170	112,8	107,2	5,6	LUC	
			1	171	113,0	107,1	5,9	LUC	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú
104	UBND xã (Hà Văn Lợi (Tiền) đang canh tác)	Thôn Đông	1	172	113,3	107,4	5,9	LUC	
105	UBND xã (Hà Văn Xuyên (Lan) đang canh tác)	Thôn Đông	1	173	113,4	107,6	5,8	LUC	
106	UBND xã (Nguyễn Văn Thái (Nhớ) đang canh tác)	Thôn Đông	1	174	113,2	107,7	5,5	LUC	
107	UBND xã (Hà Văn Nhai (Luu) đang canh tác)	Thôn Đông	1	193	111,7	105,8	5,9	LUC	
108	UBND xã (Nguyễn Văn Song (Ảnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	194	111,2	105,4	5,8	LUC	
109	UBND xã (Nguyễn Văn Chương đang canh tác)	Thôn Đông	1	195	110,8	105,0	5,8	LUC	
110	UBND xã (Nguyễn Văn Thiết (Hiền) đang canh tác)	Thôn Đông	1	196	111,3	105,6	5,7	LUC	
111	UBND xã (Nguyễn Văn Song (Ảnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	197	111,8	106,2	5,6	LUC	
112	UBND xã (Nguyễn Văn Huệ (Sen) đang canh tác)	Thôn Đông	1	198	112,3	106,7	5,6	LUC	
113	UBND xã (Hà Văn Giao (Tĩnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	199	112,7	107,3	5,4	LUC	
114	UBND xã (Hà Xuân Hưng (Hiền) đang canh tác)	Thôn Đông	1	200	113,5	108,0	5,5	LUC	
115	UBND xã (Nguyễn Văn Hương đang canh tác)	Thôn Đông	1	201	114,4	108,6	5,8	LUC	
116	UBND xã (Hà Văn Định (Khoản) đang canh tác)	Thôn Đông	1	202	114,5	107,8	6,7	LUC	
117	UBND xã (Nguyễn Văn Chính (Hoa) đang canh tác)	Thôn Đông	1	203	115,3	108,2	7,1	LUC	
118	UBND xã (Nguyễn Văn Tùng đang canh tác)	Thôn Đông	1	204	116,2	108,5	7,7	LUC	
119	UBND xã (Ngô Văn Nghiêu (Huê) đang canh tác)	Thôn Đông	1	205	117,0	109,1	7,9	LUC	
120	UBND xã (Nguyễn Văn Hải (Bằng) đang canh tác)	Thôn Đông	1	206	117,1	109,5	7,6	LUC	
121	UBND xã (Nguyễn Văn Tại (Bé) đang canh tác)	Thôn Đông	1	207	117,1	109,8	7,3	LUC	
122	UBND xã (Hà Văn Giao (Tĩnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	208	117,0	110,1	6,9	LUC	
123	UBND xã (Nguyễn Văn Lan đang canh tác)	Thôn Đông	1	209	116,4	109,8	6,6	LUC	
124	UBND xã (Nguyễn Văn Song (Ảnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	210	115,4	109,2	6,2	LUC	
125	UBND xã (Luu Thị Hiền (Thế) đang canh tác)	Thôn Đông	1	231	113,6	107,5	6,1	LUC	
126	UBND xã (Đặng Trung Tâm (Nhật) đang canh tác)	Thôn Đông	1	232	283,4	271,6	11,8	LUC	
127	UBND xã (Hà Văn Cảnh (Hương) đang canh tác)	Thôn Đông	1	233	113,7	108,0	5,7	LUC	
128	UBND xã (Nguyễn Văn Cản (Vĩnh) đang canh tác)	Thôn Đông	1	234	113,5	107,7	5,8	LUC	
129	UBND xã (Hà Văn Tôn đang canh tác)	Thôn Đông	1	235	113,4	107,1	6,3	LUC	
130	UBND xã (Nguyễn Văn Sơn (Vi) đang canh tác)	Thôn Đông	1	236	113,0	106,1	6,9	LUC	
131	UBND xã (Nguyễn Văn Lập đang canh tác)	Thôn Đông	1	237	113,8	106,0	7,8	LUC	
132	UBND xã (Hà Văn Quang (Hải) đang canh tác)	Thôn Đông	1	238	114,6	106,0	8,6	LUC	

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích bản đồ (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Ghi chú
133	UBND xã (Nguyễn Văn Thư đang canh tác)	Thôn Đông	1	239	114,4	104,8	9,6	LUC	
134	UBND xã (Nguyễn Văn Huyền (Hương) đang canh tác)	Thôn Đông	1	240	114,1	102,8	11,3	LUC	